

Số: 4/2025/TT-VPCP

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định về thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ giữa Cổng dịch vụ công quốc gia với các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu dùng chung của cơ quan nhà nước phục vụ giải quyết thủ tục hành chính

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Nghị định số 36/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 165/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ban hành Thông tư quy định về thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, cơ sở dữ liệu dùng chung

của cơ quan nhà nước phục vụ giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, cơ quan, địa phương.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết về thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, cơ quan, địa phương (sau đây gọi tắt là Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính), Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của cơ quan nhà nước phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với thông tin, dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Cổng dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của cơ quan nhà nước phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính

1. Thông tin, dữ liệu bảo đảm tính pháp lý để tái sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, cập nhật của thông tin, dữ liệu kết nối, chia sẻ và bảo đảm các nguyên tắc trong bảo vệ dữ liệu của cá nhân, tổ chức.

2. Các cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp lại thông tin, dữ liệu có giá trị pháp lý đã được kết nối, chia sẻ từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

3. Thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ, cập nhật tự động theo thời gian thực ngay khi có sự thay đổi giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

4. Thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc

gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành đáp ứng yêu cầu về an ninh, an toàn thông tin, có cơ chế phân quyền và xác thực chặt chẽ.

5. Thông tin, dữ liệu được kết nối chia sẻ phải được chuẩn hóa, mã hóa, ký số, bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu và có giá trị pháp lý tương đương bản giấy.

6. Thông tin, dữ liệu kết nối, chia sẻ giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành được lưu trữ dự phòng. Dữ liệu dự phòng bảo đảm tính pháp lý như dữ liệu gốc.

Chương II

QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐƯỢC KẾT NỐI, CHIA SẺ TỪ CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

Điều 4. Thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ từ Cổng Dịch vụ công quốc gia

1. Thông tin, dữ liệu về thủ tục hành chính.
2. Thông tin, dữ liệu về phản ánh, kiến nghị.
3. Thông tin, dữ liệu về hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính.
4. Thông tin, dữ liệu về đăng nhập một lần từ Cổng Dịch vụ công quốc gia.
5. Thông tin, dữ liệu về đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.
6. Thông tin, dữ liệu về thanh toán trực tuyến.
7. Thông tin, dữ liệu từ các Hệ thống thông tin khác được kết nối, chia sẻ với Cổng Dịch vụ công quốc gia.
8. Thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Thông tin, dữ liệu về thủ tục hành chính được kết nối, chia sẻ từ Cổng Dịch vụ công quốc gia

Thông tin, dữ liệu về thủ tục hành chính được kết nối, chia sẻ từ Cổng Dịch vụ công quốc gia bao gồm tối thiểu các thông tin, dữ liệu dưới đây:

1. Danh sách thủ tục hành chính:
 - a) Mã thủ tục hành chính;

b) Tên thủ tục hành chính.

2. Thông tin chi tiết thủ tục hành chính:

a) Mã thủ tục hành chính;

b) Tên thủ tục hành chính;

c) Cơ quan ban hành thủ tục hành chính;

d) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;

đ) Cấp thực hiện thủ tục hành chính;

e) Lĩnh vực thủ tục hành chính;

g) Thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

h) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính;

i) Thành phần hồ sơ thủ tục hành chính;

k) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;

l) Trình tự thực hiện thủ tục hành chính;

m) Phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính;

n) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính;

o) Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính.

3. Danh mục kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

a) Mã kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

b) Tên kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

c) Tệp đính kèm mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

4. Danh mục căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

a) Số văn bản;

b) Tên văn bản;

c) Địa chỉ truy cập trang xem nội dung căn cứ pháp lý;

d) Ngày ban hành;

- đ) Ngày hiệu lực;
- e) Cơ quan ban hành.

5. Danh mục cơ quan tiếp nhận, xử lý, giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Mã cơ quan;
- b) Tên cơ quan;
- c) Cấp đơn vị;
- d) Mã cơ quan cấp trên;
- đ) Thông tin địa chỉ, địa giới hành chính nơi đặt trụ sở cơ quan;
- e) Thông tin liên hệ của cơ quan.

6. Danh mục phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Mã phí, lệ phí được bộ, cơ quan ngang bộ công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;
- b) Tên phí, lệ phí được bộ, cơ quan ngang bộ công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;
- c) Loại phí, lệ phí.

Điều 6. Thông tin, dữ liệu về phản ánh, kiến nghị được kết nối, chia sẻ từ Cổng Dịch vụ công quốc gia

Thông tin, dữ liệu về phản ánh, kiến nghị được kết nối, chia sẻ từ Cổng Dịch vụ công quốc gia bao gồm tối thiểu các thông tin, dữ liệu dưới đây:

1. Thông tin phản ánh, kiến nghị chờ tiếp nhận, xử lý:
 - a) Mã cơ quan đang chờ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị;
 - b) Tên cơ quan đang chờ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị;
 - c) Mã phản ánh, kiến nghị đang chờ tiếp nhận, xử lý;
 - d) Trạng thái phản ánh, kiến nghị tại đơn vị;
 - đ) Đối tượng gửi phản ánh, kiến nghị.

2. Danh sách phản ánh, kiến nghị đã công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia:

- a) Mã phản ánh, kiến nghị;
- b) Tên của cơ quan xử lý;
- c) Mã của cơ quan xử lý;
- d) Đối tượng gửi phản ánh, kiến nghị;
- đ) Ngày gửi phản ánh, kiến nghị;
- e) Ngày phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận;
- g) Phân loại phản ánh, kiến nghị;
- h) Hình thức gửi phản ánh kiến nghị;
- i) Mã thủ tục hành chính tương ứng phản ánh, kiến nghị;
- k) Tiêu đề phản ánh, kiến nghị;
- l) Nội dung phản ánh, kiến nghị;
- m) Tập đính kèm phản ánh, kiến nghị;
- n) Trạng thái xử lý phản ánh, kiến nghị;
- o) Nội dung trả lời phản ánh, kiến nghị;
- p) Tập tin đính kèm văn bản trả lời;
- q) Ngày hoàn thành trả lời;
- r) Cán bộ công khai văn bản trả lời.

Điều 7. Thông tin, dữ liệu về hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính được kết nối, chia sẻ từ Cổng Dịch vụ công quốc gia

Thông tin, dữ liệu về hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính được kết nối, chia sẻ từ Cổng Dịch vụ công quốc gia bao gồm tối thiểu các thông tin, dữ liệu dưới đây:

1. Danh sách hồ sơ:

- a) Mã số hồ sơ thủ tục hành chính;
- b) Trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính;
- c) Thời điểm cập nhật trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính.

2. Thông tin chi tiết hồ sơ:

- a) Mã số hồ sơ thủ tục hành chính;
- b) Mã thủ tục hành chính;
- c) Tên thủ tục hành chính;
- d) Thành phần hồ sơ và thông tin dữ liệu của thành phần hồ sơ;
- đ) Trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính.

3. Trạng thái hồ sơ:

- a) Mới đăng ký;
- b) Được tiếp nhận;
- c) Không được tiếp nhận;
- d) Đang xử lý;
- đ) Yêu cầu bổ sung giấy tờ;
- e) Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính;
- g) Từ chối xử lý;
- h) Yêu cầu rút hồ sơ;
- i) Đã xử lý xong;
- k) Đã trả kết quả.

Điều 8. Thông tin, dữ liệu về đăng nhập một lần từ Cổng Dịch vụ công quốc gia

Thông tin, dữ liệu về đăng nhập một lần từ Cổng Dịch vụ công quốc gia bao gồm tối thiểu các thông tin, dữ liệu dưới đây:

1. Thông tin của công dân đăng nhập:

- a) Họ, chữ đệm và tên;
- b) Số chứng minh thư nhân dân (nếu có);
- c) Số định danh cá nhân;
- d) Thông tin ngày, tháng, năm sinh;
- đ) Số điện thoại di động;

e) Thông tin email (nếu có);

g) Giới tính;

h) Nơi sinh;

i) Địa chỉ thường trú.

2. Thông tin của doanh nghiệp, tổ chức đã được cấp phép hoạt động tại Việt Nam đăng nhập:

a) Mã số thuế doanh nghiệp, tổ chức đã được cấp phép hoạt động tại Việt Nam;

b) Mã định danh doanh nghiệp, tổ chức đã được cấp phép hoạt động tại Việt Nam;

c) Tên doanh nghiệp, tổ chức đã được cấp phép hoạt động tại Việt Nam;

d) Địa chỉ doanh nghiệp, tổ chức đã được cấp phép hoạt động tại Việt Nam;

đ) Số điện thoại doanh nghiệp, tổ chức đã được cấp phép hoạt động tại Việt Nam;

e) Email doanh nghiệp, tổ chức đã được cấp phép hoạt động tại Việt Nam (nếu có).

3. Thông tin của cơ quan nhà nước đăng nhập:

a) Mã định danh cơ quan nhà nước;

b) Tên cơ quan nhà nước;

c) Địa chỉ cơ quan nhà nước;

d) Số điện thoại cơ quan nhà nước;

đ) Email cơ quan nhà nước.

Chương III

QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐƯỢC KẾT NỐI, CHIA SẺ TỪ HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 9. Thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

1. Thông tin, dữ liệu về hồ sơ thủ tục hành chính.

2. Thông tin, dữ liệu về phản ánh, kiến nghị.

3. Thông tin, dữ liệu về thanh toán hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4. Thông tin, dữ liệu được hình thành thông qua việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện tại bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

5. Thông tin, dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được cơ quan quản lý thống nhất trao đổi với cơ quan quản trị Cổng Dịch vụ công quốc gia.

6. Thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

7. Cơ quan quản trị Cổng Dịch vụ công quốc gia hướng dẫn, công bố, công khai các trường thuộc tính cơ bản của Giao diện lập trình ứng dụng (API) kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều này.

Điều 10. Thông tin, dữ liệu về hồ sơ thủ tục hành chính được kết nối, chia sẻ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

Thông tin, dữ liệu về hồ sơ thủ tục hành chính được kết nối, chia sẻ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bao gồm tối thiểu các thông tin, dữ liệu dưới đây:

1. Đồng bộ hồ sơ thủ tục hành chính:

a) Mã số hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Mã thủ tục hành chính;

c) Tên thủ tục hành chính;

d) Cách thức nộp hồ sơ;

đ) Thông tin người nộp hồ sơ (người được ủy quyền);

e) Thông tin chủ hồ sơ;

g) Ngày tiếp nhận hồ sơ;

h) Ngày hẹn trả kết quả giải quyết hồ sơ;

i) Thông tin của hồ sơ;

k) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính hợp lệ;

l) Ngày trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

- m) Thông tin đơn vị tiếp nhận hồ sơ;
- n) Thông tin đơn vị xử lý hồ sơ;
- o) Thông tin về phí, lệ phí;
- p) Thông tin về kênh thực hiện thanh toán phí, lệ phí;
- q) Thông tin bổ sung hồ sơ.

2. Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ thủ tục hành chính:

- a) Mã số hồ sơ thủ tục hành chính;
- b) Thông tin người xử lý hồ sơ;
- c) Thông tin cơ quan của người xử lý hồ sơ;
- d) Thời điểm xử lý hồ sơ (Bao gồm: ngày, giờ, phút, giây).
- đ) Nội dung xử lý;
- e) Trạng thái hồ sơ;
- g) Ngày bắt đầu xử lý;
- h) Ngày kết thúc xử lý.

3. Tra cứu hồ sơ:

- a) Mã số hồ sơ thủ tục hành chính;
- b) Mã thủ tục hành chính;
- c) Tên thủ tục hành chính;
- d) Trạng thái kết quả;
- đ) Các thông tin chi tiết khác.

4. Tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Mã số hồ sơ thủ tục hành chính;
- b) Mã thủ tục hành chính;
- c) Mã kết quả giải quyết thủ tục hành chính;
- d) Tên kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

đ) Đường dẫn kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

e) Ngày trả kết quả;

g) Hình thức trả kết quả.

5. Thông tin số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

a) Mã số hồ sơ được số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

b) Dữ liệu chi tiết của thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

6. Thông tin xác nhận hồ sơ nhận từ Cổng Dịch vụ công quốc gia:

a) Mã số hồ sơ thủ tục hành chính nhận từ Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính nhận từ Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Thời điểm Cổng Dịch vụ công quốc gia gửi hồ sơ;

d) Thời điểm nhận hồ sơ từ Cổng Dịch vụ công quốc gia.

7. Thông tin trạng thái hồ sơ nhận từ Cổng Dịch vụ công quốc gia:

a) Mã số hồ sơ nhận từ Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Trạng thái hồ sơ hiện tại trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 11. Thông tin, dữ liệu về phản ánh, kiến nghị được kết nối, chia sẻ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

Trong trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính có phân hệ phản ánh, kiến nghị, thông tin, dữ liệu về phản ánh, kiến nghị được kết nối, chia sẻ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành bao gồm tối thiểu các thông tin, dữ liệu dưới đây:

1. Phản ánh, kiến nghị từ chối tiếp nhận:

a) Mã phản ánh, kiến nghị nhận từ Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Mã đơn vị xử lý phản ánh, kiến nghị;

c) Tên đơn vị xử lý phản ánh, kiến nghị;

d) Ngày trả lại phản ánh, kiến nghị;

đ) Người trả lại phản ánh, kiến nghị;

e) Lý do từ chối xử lý phản ánh, kiến nghị;

g) Tập đính kèm (nếu có).

2. Cập nhật tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị:

a) Mã phản ánh, kiến nghị;

b) Chủ đề phản ánh, kiến nghị;

c) Mã thủ tục hành chính gắn với phản ánh, kiến nghị;

d) Thông tin chi tiết phản ánh, kiến nghị;

đ) Nội dung trả lời phản ánh, kiến nghị;

e) Ngày trả lời phản ánh, kiến nghị;

g) Thông tin cán bộ trả lời phản ánh, kiến nghị.

3. Kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị:

a) Mã phản ánh, kiến nghị;

b) Trạng thái xử lý phản ánh, kiến nghị;

c) Nội dung trả lời phản ánh, kiến nghị (nếu có).

4. Phản ánh, kiến nghị tại bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia:

a) Mã phản ánh, kiến nghị;

b) Chủ đề phản ánh, kiến nghị;

c) Mã thủ tục hành chính gắn với phản ánh, kiến nghị;

d) Thông tin chi tiết phản ánh, kiến nghị;

đ) Nội dung trả lời phản ánh, kiến nghị;

e) Ngày trả lời phản ánh, kiến nghị;

g) Thông tin cán bộ trả lời phản ánh, kiến nghị;

h) Thông tin cơ quan tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

Điều 12. Thông tin, dữ liệu về thanh toán hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Thông tin, dữ liệu về thanh toán hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được kết nối, chia sẻ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bao gồm tối thiểu các thông tin, dữ liệu dưới đây:

1. Mã số hồ sơ thủ tục hành chính.
2. Mã thủ tục hành chính.
3. Mã giao dịch sinh ra trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.
4. Thông tin định danh khoản thu.

Chương IV

QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐƯỢC KẾT NỐI, CHIA SẺ TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA, CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH

Điều 13. Thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính

1. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính và các thông tin, dữ liệu trong kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
2. Thông tin, dữ liệu liên quan đến đối tượng thực hiện, xác nhận yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.
3. Cấu trúc các trường thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành.
4. Thông tin, dữ liệu khác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành.
5. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện chuyển đổi thành thông tin, dữ liệu điện tử, cập nhật, lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
6. Các trường thuộc tính cơ bản của thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này phục vụ giải quyết thủ tục hành chính được bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành cung cấp tại Danh mục dùng chung của Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Điều 14. Sử dụng thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ điền thông tin tự động trong Biểu mẫu điện tử tương tác

1. Thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia được kết nối, chia sẻ với Cổng Dịch vụ công quốc gia để tự động điền thông tin trong Biểu mẫu điện tử tương tác.

2. Trong trường hợp Công Dịch vụ công quốc gia tiếp nhận thông tin của người dân, doanh nghiệp liên quan đến thông tin, dữ liệu được đồng bộ giữa Công Dịch vụ công quốc gia với Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành có sự sai lệch, Công Dịch vụ công quốc gia chuyển tiếp đề nghị cập nhật thông tin, dữ liệu tới đầu mối cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành để rà soát, cập nhật, xử lý.

3. Cơ quan quản trị Công Dịch vụ công quốc gia phối hợp với Bộ Công an xây dựng chức năng trên Công Dịch vụ công quốc gia để:

a) Quản lý yêu cầu đề nghị chỉnh sửa thông tin, dữ liệu của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến;

b) Quản lý, cập nhật danh mục các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và đầu mối liên hệ để xử lý các vấn đề kỹ thuật, cập nhật thông tin, dữ liệu;

c) Cập nhật tiến độ giải quyết, cập nhật thông tin, dữ liệu theo đề nghị của người dân, doanh nghiệp của cơ quan, đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 15. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

Thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành được đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo quy định của Luật Dữ liệu và pháp luật chuyên ngành.

Chương V

QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐƯỢC KẾT NỐI, CHIA SẺ PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 16. Sử dụng thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ để giải quyết thủ tục hành chính

1. Thông tin, dữ liệu để giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng tất cả điều kiện sau:

a) Thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ phục vụ giải quyết thủ tục hành chính được sử dụng từ dữ liệu gốc phát sinh tại bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ quản Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

b) Tính pháp lý, hiệu lực của thông tin, dữ liệu tại thời điểm được kết nối, chia sẻ không thay đổi tại thời điểm tái sử dụng để nộp hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính;

c) Phân loại, bảo mật thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định liên quan về an ninh mạng, an toàn thông tin.

2. Thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ phục vụ giải quyết thủ tục hành chính được dùng trong các việc sau:

a) Nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính;

b) Giải quyết thủ tục hành chính;

c) Tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính;

d) Cắt giảm thủ tục, trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, giấy tờ, thông tin yêu cầu người dân cung cấp;

đ) Kết nối, chia sẻ kết quả giải quyết thủ tục hành chính với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính khác.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sử dụng thông tin, dữ liệu được kết nối chia sẻ phục vụ giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện các công việc sau:

a) Xác thực thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến;

b) Tự động điền thông tin, dữ liệu có sẵn trong các Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu;

c) Kiểm tra thông tin điều kiện, các nội dung phải kiểm tra, xác minh, thẩm định và các thành phần hồ sơ đã có của hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính;

d) Phân tích dữ liệu để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo đơn vị các cấp, xác định các điểm nghẽn, dự báo nhu cầu để phân bổ nguồn lực.

Điều 17. Điều kiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin, kiểm tra định kỳ hệ thống đáp ứng tối thiểu cấp độ 3 theo yêu cầu về bảo

đảm an ninh, an toàn thông tin hệ thống theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu trên môi trường thử nghiệm trước khi kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu trên môi trường chính thức.

Điều 18. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu

1. Thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 8 Điều 4; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 9 và khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 13 Thông tư này:

a) Cơ quan quản trị Cổng Dịch vụ công quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ Công an công bố, công khai các API kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan chủ quản Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành cử cán bộ phụ trách kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu phối hợp với cơ quan quản trị Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 7 Điều 4 và khoản 5 Điều 9 Thông tư này:

a) Cơ quan quản trị Cổng Dịch vụ công quốc gia và cơ quan chủ quản Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thống nhất thông tin, dữ liệu và tài liệu kỹ thuật kết nối, chia sẻ;

b) Cơ quan quản trị Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phối hợp với cơ quan quản trị Cổng Dịch vụ công quốc gia, cử cán bộ phụ trách kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu trên môi trường thử nghiệm và môi trường chính thức của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành được thực hiện qua một trong các kênh:

a) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia;

- b) Trục liên thông văn bản quốc gia;
- c) Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.

Điều 19. Xử lý sự cố

1. Trong vòng 01 giờ kể từ khi xảy ra sự cố về bảo mật hệ thống, an ninh, an toàn thông tin, cơ quan quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành thông báo tới cơ quan quản trị Cổng Dịch vụ công quốc gia và Bộ Công an; đồng thời, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để khắc phục, xử lý sự cố.

2. Trong thời gian sớm nhất kể từ khi xảy ra sự cố về gián đoạn kết nối, cơ quan quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phối hợp với cơ quan liên quan để khắc phục, xử lý sự cố. Trong trường hợp sự cố gián đoạn kéo dài trên 02 giờ, cơ quan quản lý, vận hành hệ thống đang gặp sự cố thực hiện triển khai kênh kết nối dự phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư này.

Điều 20. Dữ liệu dự phòng

1. Cơ quan quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành có ít nhất 01 bộ dữ liệu dự phòng được đồng bộ theo thời gian thực với bộ dữ liệu gốc thuộc phạm vi quản lý.

2. Kênh kết nối, chia sẻ dữ liệu dự phòng độc lập với kênh kết nối, chia sẻ dữ liệu gốc, được sử dụng khi kênh kết nối, chia sẻ dữ liệu gốc gặp sự cố hoặc bị gián đoạn tạm thời chưa khắc phục được.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm sự thống nhất giữa dữ liệu dự phòng và dữ liệu gốc thuộc phạm vi quản lý.

Điều 21. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan, địa phương

1. Bộ, cơ quan, địa phương:

a) Cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu của cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện chuyển đổi thành thông tin, dữ liệu điện tử lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

c) Kết nối, chia sẻ, bảo đảm tính chính xác, cập nhật của thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý;

d) Bảo đảm tính toàn vẹn, tính chống chối bỏ của thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ và lưu vết quá trình luân chuyển thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin;

đ) Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, duy trì hoạt động ổn định, liên tục của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

e) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, khắc phục sai sót của dữ liệu phát sinh thuộc phạm vi quản lý và phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để đảm bảo chất lượng dữ liệu trong chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu;

g) Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính tại bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

h) Bảo đảm sử dụng thông tin, dữ liệu được kết nối, chia sẻ đúng mục đích quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này;

i) Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng việc theo dõi hoạt động của các chức năng, việc kết nối, đồng bộ thông tin, dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

2. Cơ quan quản trị Cổng Dịch vụ công quốc gia ban hành hướng dẫn kỹ thuật chi tiết các trường thông tin, định dạng dữ liệu trong API kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính với các bộ, cơ quan, địa phương và đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Bộ Công an:

a) Hướng dẫn việc kết nối các hệ thống qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến tập trung trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia;

b) Bảo đảm kết nối, an toàn thông tin, tính toàn vẹn của dữ liệu kết nối giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành tại Trung tâm

dữ liệu quốc gia phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp;

c) Triển khai, thiết lập kênh kết nối dự phòng của Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Bộ, cơ quan, địa phương:

a) Quản lý, vận hành hạ tầng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này;

b) Cập nhật thông tin về đầu mối kỹ thuật, nhận thông tin giám sát, cảnh báo về tình trạng kết nối giữa Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do bộ, cơ quan, địa phương quản lý với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Cơ quan quản trị Cổng Dịch vụ công quốc gia xây dựng công cụ theo dõi, giám sát tình trạng, hiệu quả kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, cơ quan, địa phương, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; đôn đốc bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các quy định về kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 01 năm 2026.

2. Bổ sung khoản 3 Điều 13 Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia như sau:

“3. Mã số hồ sơ của thủ tục hành chính được cấp có thẩm quyền giao xây dựng giải pháp cung cấp dịch vụ công tập trung trên toàn quốc gồm các ký tự chữ và số, có cấu trúc như sau:

MX1X2.Y1Y2Y3.Z1Z2-YYMMDD-AAXXXX

Trong đó:

a) MX1X2.Y1Y2Y3.Z1Z2 là mã định danh điện tử của cơ quan giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;

b) YYMMDD là ngày tiếp nhận hồ sơ, bao gồm 06 ký tự số; trong đó: YY là 02 chữ số cuối của năm, MM là 02 chữ số của tháng, DD là 02 chữ số của ngày;

c) AA là 02 chữ số tương ứng với 02 chữ số trong mã định danh điện tử của cơ quan chủ quản hệ thống cung cấp dịch vụ công tập trung;

d) XXXX là số thứ tự hồ sơ tiếp nhận trong ngày, độ dài dãy số theo thực tế hồ sơ phát sinh, tối thiểu gồm 04 ký tự.”.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng tư vấn cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b).

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Trần Văn Sơn